TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 21-3-2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Liêm;

2. Ông Trương Hữu Bình.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 389/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc "ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phan Thị N, sinh năm 1963. HKTT: Ấp Đ1, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Ông Lâm Trọng T, sinh năm 1960. HKTT: Ấp Đ1, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà N xin vắng mặt, bị đơn ông T vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Phan Thị N trình bày*:

Bà N và ông T chung sống tự nguyện với nhau từ năm 1992, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ ngày 27/9/2013.

Trong thời gian chung sống, hai vợ chồng thường bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T không có trách

nhiệm với gia đình, bà N và ông T đã không còn sống chung với nhau đã nhiều năm. Cuộc sống vợ chồng đã không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà N làm đơn xin ly hôn với ông T.

- Con chung: Có 02 con chung tên Lâm Thị Bích T1, sinh ngày 10/8/1992 và Lâm Thành C, sinh ngày 19/12/1994. Các con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

- Tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà N không có trình bày hay không cung cấp chứng cứ gì thêm.

** Bị đơn ông Lâm Trọng T:*

Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia giải quyết vụ án nhưng ông T vắng mặt không có lý do nên không thu thập được ý kiến của ông T.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tống đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự, xác minh, thu thập chứng cứ, xét xử vụ án theo trình tự luật định. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà N xin vắng mặt, bị đơn ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Đề nghị xét xử vắng mặt đương sự theo các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là ly hôn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà N xin vắng mặt, bị đơn ông T đã được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn ông T thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà N khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông T, kết quả xác minh xác định bị đơn ông T có hộ khẩu thường trú và vẫn đang cư trú tại ấp Định Thọ, xã Đ, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình

Dương theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà N và ông T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1992, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện Dầu Tiếng ngày 27/9/2013. Hôn nhân giữa bà N và ông T là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận. Bà N xác định quá trình chung sống bà N và ông T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, do ông T không có trách nhiệm với gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N xin được ly hôn với ông T. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ban lãnh đạo ấp Đ1 xác định: Ông T vẫn còn cư trú tại địa phương nhưng không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án, ông T và bà N đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T không có trách nhiệm với gia đình, có thông tin về việc ông T có mối quan hệ với người phụ nữ khác khiến bà N nhiều lần ra ấp yêu cầu giải quyết. Bị đơn ông T cố tình vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, cho thấy, ông T đã không quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng và mối quan hệ gia đình. Xét tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông T theo quy định tại Điều 19, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] *Về con chung:* Quá trình chung sống bà N và ông T có hai con chung tên Lâm Thị Bích T1, sinh ngày 10/8/1992 và Lâm Thành C, sinh ngày 19/12/1994. Các con đã đủ tuổi trưởng thành, bà N không tranh chấp về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà N không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà N là người cao tuổi được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 19, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị N đối với ông Lâm Trọng T về việc "ly hôn".

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Phan Thị N được ly hôn với ông Lâm Trọng T.

1.2. *Về con chung*: Các con đã trưởng thành nên không xem xét.

1.3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Bà Phan Thị N thuộc trường hợp người cao tuổi được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHADS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Ngọc Tuyền